

THỰC ĐƠN BÁN TRÚ TUẦN 6 NĂM HỌC 2025 - 2026

Từ 13/10 đến 17/10/2025

Tuần 06 (Từ ngày 13/10 đến ngày 17/10 năm 2025)

Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 2/13-10	1	Thịt băm rang	Thịt mỡng sấn	66	125.000	8.250			Chất đốt	1.000	
	2	Khoai tây xào thịt	Khoai tây	52	18.000	936			Nhân công	2.000	
			Thịt sấn mỡng vai	10	125.000	1.250			Thuế	1.482	
	3	Canh bí đỏ nấu xương	Bí đỏ	50	18.000	900			Khấu hao	300	
			Xương lợn	8	85.000	680					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	19.000	2.090					
	5		Rau thơm	3,2	35.000	112					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 3/ 14-10	1	Thịt gà chiên	Gà CN bỏ cđcc	85	85.000	7.225			Chất đốt	1.000	
	2	Đậu xốt cà chua	Đậu phụ	50	32.000	1.600			Nhân công	2.000	
			Cà chua	20	25.000	500			Thuế	1.482	
	3	Canh bí xanh nấu gà	Bí xanh	50	20.000	1.000			Khấu hao	300	
			Gà CN bỏ cđcc	21	85.000	1.785					

	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	3,65	35.000	128					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chính/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 4/15-10	1	Mọc xốt cà chua	Mọc (thịt nạc xay viên)	55	145.000	7.975			Chất đốt	1.000	
			Cà chua	10	20.000	200			Nhân công	2.000	
	2	Trứng xào	Trứng vịt	35	63.000	2.205			Thuế	1.482	
	3	Canh tép nấu mỏng toi	Tép đồng	7	155.000	1.085			Khấu hao	300	
			Mỏng toi	32	17.000	544					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	19.000	2.090					
	5		Rau thơm	3,4	35.000	119					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chính/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 5/16-10	1	Thịt kho trứng cút	Thịt sấn móng vai	47	125.000	5.875			Chất đốt	1.000	
			Trứng cút	30	80.000	2.400			Nhân công	2.000	
	2	Chả cá viên chiên	Chả cá viên	30	75.000	2.250			Thuế	1.482	
	3	Canh khoai tây cà rốt nấu xương	Khoai tây	50	18.000	900			Khấu hao	300	
			Xương lợn	7	85.000	595					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	19.000	2.090					
	5		Rau thơm	3,08	35.000	108					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					

		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 6/17-10	1	Tôm chiên	Tôm biển	33	200.000	6.600			Chất đốt	1.000	
	2	Trứng xào	Trứng vịt	40	63.000	2.520			Nhân công	2.000	
	3	Canh cải thảo nấu thịt	Cải thảo	60	17.000	1.020			Thuế	1.482	
			Thịt sản nông vai	15	125.000	1.875			Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	19.000	2.090					
	5		Rau thơm	3,24	35.000	113					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000

Hiệu Trưởng Duyệt



Hoàng Sách Khôi

Người Lập Thực Đơn

Đinh Thị Hương Giang